

Số: 1151 /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 24 tháng 5 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Danh mục lĩnh vực, ngành, nghề, chỉ tiêu thu hút  
và Danh mục lĩnh vực, ngành, nghề, chỉ tiêu đào tạo sau đại học  
năm 2023 của tỉnh Tây Ninh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và  
Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của  
Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP  
ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công  
chức, viên chức;*

*Căn cứ Quyết định 1944/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2022 của UBND  
tỉnh Tây Ninh ban hành Đề án “Phát triển nguồn nhân lực khu vực công chất  
lượng cao tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”;*

*Nghị quyết số 47/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội  
đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh khóa X, kỳ họp thứ 6 về Chính sách thu hút, hỗ trợ  
đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao; hỗ trợ công chức, viên  
chức, nhân viên ngành Y tế tỉnh Tây Ninh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 327/TTr-SNV ngày  
08 tháng 5 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục lĩnh vực, ngành  
nghề, chỉ tiêu thu hút; Danh mục lĩnh vực, ngành nghề, chỉ tiêu đào tạo sau đại  
học năm 2023 của tỉnh Tây Ninh.

**Điều 2.** Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan  
tổ chức triển khai thực hiện chính sách thu hút và đào tạo sau đại học của tỉnh theo  
đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ,  
Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã,

thành phố, các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:** 

- Như Điều 3;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- LĐVP; Phòng NC;
- Lưu: VT, VP. UBND tỉnh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Võ Đức Trọng**

**DANH MỤC LĨNH VỰC, NGÀNH NGHỀ, CHỈ TIÊU THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 1151 /QĐ-UBND ngày 24 / 5 /2023 của UBND tỉnh Tây Ninh)

| STT | Lĩnh vực                               | Chuyên ngành                                                  | Trình độ     | Chỉ tiêu | Cơ quan/ đơn vị trực thuộc             |
|-----|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------|----------|----------------------------------------|
| 1   | Du lịch (01 chỉ tiêu)                  | Hướng dẫn du lịch                                             | ĐH loại giỏi | 1        | Ban Quản lý Núi Bà Đen                 |
| 2   | Văn hóa (02 chỉ tiêu)                  | Quản lý văn hóa                                               | ĐH loại giỏi | 1        | Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch        |
|     |                                        | Bảo tàng học                                                  | ĐH loại giỏi | 1        | Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch        |
| 3   | Khoa học công nghệ (11 chỉ tiêu)       | Điện lạnh hoặc điện công nghiệp, tự động hóa                  | ĐH loại giỏi | 2        | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội    |
|     |                                        | Công nghệ Ô tô hoặc Cơ khí                                    | ĐH loại giỏi | 1        | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội    |
|     |                                        | Công nghệ Thông tin                                           | ĐH loại giỏi | 1        | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội    |
|     |                                        | Công nghệ Thông tin                                           | ĐH loại giỏi | 2        | UBND tp Tây Ninh                       |
|     |                                        | Điện lạnh hoặc điện công nghiệp, tự động hóa                  | Thạc sĩ      | 3        | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội    |
|     |                                        | Công nghệ Ô tô hoặc Cơ khí                                    | Thạc sĩ      | 1        | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội    |
|     |                                        | Công nghệ Thông tin                                           | Thạc sĩ      | 1        | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội    |
| 4   | Nông nghiệp (09 chỉ tiêu)              | Thú y                                                         | ĐH loại giỏi | 1        | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội    |
|     |                                        | Nông nghiệp; Nông học; Trồng trọt Bảo vệ thực vật; Lâm nghiệp | ĐH loại giỏi | 2        | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
|     |                                        | Nông nghiệp                                                   | ĐH loại giỏi | 1        | UBND huyện Tân Châu                    |
|     |                                        | Trồng trọt, Bảo vệ thực vật, Nông học                         | Tiến sĩ      | 2        | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
|     |                                        | Nông nghiệp; Nông học; Trồng trọt Bảo vệ thực vật; Lâm nghiệp | Thạc sĩ      | 2        | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
|     |                                        | Nông nghiệp                                                   | Thạc sĩ      | 1        | UBND huyện Tân Châu                    |
| 5   | Tài nguyên và môi trường (02 chỉ tiêu) | Quản lý tài nguyên và môi trường                              | ĐH loại giỏi | 1        | Thanh tra tỉnh                         |
|     |                                        | Quản lý đất đai                                               | ĐH loại giỏi | 1        | Văn phòng UBND tỉnh                    |
| 6   | Kinh tế (05 chỉ tiêu)                  | Kế toán, Tài chính hoặc Quản trị kinh doanh                   | ĐH loại giỏi | 1        | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội    |
|     |                                        | Quản trị kinh doanh; Kiểm toán; Tài chính công; Kế toán       | ĐH loại giỏi | 2        | Văn phòng UBND tỉnh                    |
|     |                                        | Kinh tế học                                                   | ĐH loại giỏi | 1        | Thanh tra tỉnh                         |
|     |                                        | Kế toán, Tài chính hoặc Quản trị kinh doanh                   | Thạc sĩ      | 1        | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội    |
| 7   | Luật (03 chỉ tiêu)                     | Ngành Luật                                                    | ĐH loại giỏi | 2        | Văn phòng UBND tỉnh                    |
|     |                                        | Luật (chuyên ngành Thanh tra)                                 | ĐH loại giỏi | 1        | Thanh tra tỉnh                         |
|     |                                        | Hành chính; Quản trị Văn phòng; Lưu trữ                       | ĐH loại giỏi | 1        | Văn phòng UBND tỉnh                    |

|    |                                   |                                                                                                                                                                              |                         |   |                                                   |
|----|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---|---------------------------------------------------|
| 8  | Hành chính (11 chỉ tiêu)          | Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; Hành chính học; Chính trị học; Luật                                                                                                   | ĐH loại giỏi            | 2 | Ban Tổ chức Tỉnh ủy Tây Ninh                      |
|    |                                   | Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; Công tác thanh thiếu niên; Triết học; Chủ nghĩa Xã hội khoa học; Chính trị học; Văn hóa học; Xã hội học; Luật                         | ĐH loại giỏi            | 1 | Thành ủy Tây Ninh                                 |
|    |                                   | Quản trị văn phòng; Quản lý công; Lưu trữ học                                                                                                                                | Thạc sĩ                 | 3 | Sở GD&ĐT- Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh        |
|    |                                   | Quản lý công                                                                                                                                                                 | Thạc sĩ                 | 1 | Thị ủy Hoà Thành                                  |
|    |                                   | Quản lý công                                                                                                                                                                 | Thạc sĩ                 | 1 | Thị đoàn Hoà Thành                                |
|    |                                   | Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; Luật                                                                                                                                  | Thạc sĩ                 | 2 | Trường Chính trị Tây Ninh                         |
| 9  | Xây dựng (04 chỉ tiêu)            | Xây dựng                                                                                                                                                                     | ĐH loại giỏi            | 1 | UBND huyện Tân Châu                               |
|    |                                   | Quản lý phát triển đô thị hoặc quy hoạch                                                                                                                                     | ĐH loại giỏi            | 1 | UBND thành phố Tây Ninh                           |
|    |                                   | Quản lý phát triển đô thị hoặc quy hoạch                                                                                                                                     | ĐH loại giỏi (hoặc Ths) | 1 | UBND huyện Bến Cầu                                |
|    |                                   | Xây dựng                                                                                                                                                                     | Thạc sĩ                 | 1 | UBND huyện Tân Châu                               |
| 10 | Xã hội học (02 chỉ tiêu)          | Giáo dục; Khoa học chính trị; Khoa học xã hội và nhân văn; Công tác thanh niên; Du lịch; Kinh tế; Khoa học công nghệ; Quản lý công; Chính sách công; Tài nguyên - Môi trường | ĐH loại giỏi            | 1 | Tỉnh Đoàn                                         |
|    |                                   | Văn hóa học; Xã hội học; Triết học; Quan hệ quốc tế                                                                                                                          | ĐH loại giỏi            | 1 | Văn phòng UBND tỉnh                               |
| 11 | Giáo dục và Đào tạo (17 chỉ tiêu) | Giáo viên các ngành: Ngữ văn; Toán; Tiếng Anh; Giáo dục tiểu học.                                                                                                            | ĐH loại giỏi            | 8 | UBND huyện Châu Thành                             |
|    |                                   | Giáo viên Âm nhạc                                                                                                                                                            | Thạc sĩ                 | 3 | Các trường THPT trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo |
|    |                                   | Giáo viên Mỹ thuật                                                                                                                                                           | Thạc sĩ                 | 3 | Các trường THPT trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo |
|    |                                   | Giảng viên các ngành: Quản trị văn phòng; Lưu trữ và Quản trị văn phòng; Quản lý công; Lưu trữ học                                                                           | Thạc sĩ                 | 3 | Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh                  |
|    |                                   | Y tế công cộng                                                                                                                                                               | ĐH loại giỏi            | 1 | UBND huyện Gò Dầu                                 |
|    |                                   | Y tế công cộng                                                                                                                                                               | ĐH loại giỏi            | 1 | UBND thị xã Trảng Bàng                            |
|    |                                   | Bác sĩ đa khoa                                                                                                                                                               | Bác sĩ                  | 1 | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội               |
|    |                                   | Bác sĩ chuyên khoa tâm thần                                                                                                                                                  | Bác sĩ                  | 1 | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội               |

|    |                    |                                                                     |                       |     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|--------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 12 | Y tế (86 chỉ tiêu) | Bác sĩ chuyên khoa                                                  | Bác sĩ<br>(chính quy) | 43  | Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế<br>- BV Đa khoa tỉnh (09)<br>- TT Kiểm soát bệnh tật (06)<br>- TT Y tế huyện Tân Biên (04)<br>- TT Y tế huyện Trảng Bàng (05)<br>- TT Y tế huyện Gò Dầu (06)<br>- TT Y tế huyện Dương Minh Châu (02)<br>- TT Y tế thành phố Tây Ninh (04)<br>- TT Y tế thị xã Hòa Thành (02)<br>- TT Y tế huyện Châu Thành (04)<br>- BV Lao - Bệnh phổi (01) |
|    |                    | Bác sĩ chuyên khoa cấp I, cấp II,<br>Thạc sĩ Y khoa; Thạc sĩ Y khoa | Bác sĩ                | 39  | Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế:<br>- BV Đa khoa tỉnh (10)<br>- BV Lao - Bệnh phổi (05)<br>- TT Y tế huyện Gò Dầu (09)<br>- TT Y tế thị xã Hòa Thành (02)<br>- TT Y tế thành phố Tây Ninh (08)<br>- TT Y tế huyện Dương Minh Châu (02)<br>- TT Y tế huyện Châu Thành (02)<br>- TT Kiểm nghiệm Thuốc -MP, TP (01)                                                             |
|    | TỔNG CỘNG:         |                                                                     |                       | 153 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |



**DANH MỤC LĨNH VỰC, NGÀNH NGHỀ VÀ CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO NĂM 2023**  
(Kèm theo Quyết định số 1151/QĐ-UBND ngày 24 / 5 /2023 của UBND tỉnh Tây Ninh)

| STT                                                                           | Lĩnh vực đào tạo                       | Chuyên ngành<br>đăng ký đào tạo | Chỉ tiêu | Cơ quan/ đơn vị trực thuộc          |
|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|----------|-------------------------------------|
| I. Đào tạo trình độ tiến sĩ: 06 chỉ tiêu                                      |                                        |                                 |          |                                     |
| 1                                                                             | Khoa học và Công nghệ (01<br>chỉ tiêu) | Công nghệ sinh học              | 1        | Sở Khoa học và Công nghệ            |
| 2                                                                             | Hành chính (05 chỉ tiêu)               | Quyền con người                 | 1        | Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh      |
|                                                                               |                                        | Luật học                        | 1        | Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh      |
|                                                                               |                                        | Triết học                       | 1        | Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh      |
|                                                                               |                                        | Quản lý công                    | 1        | Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh      |
|                                                                               |                                        | Lịch sử Việt Nam                | 1        | Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh      |
| II. Đào tạo Bác sĩ chuyên khoa II: 01 chỉ tiêu                                |                                        |                                 |          |                                     |
| 1                                                                             | Y tế (01 chỉ tiêu)                     | Chấn thương chỉnh hình          | 1        | Sở Y tế                             |
| III. Đào tạo trình độ thạc sĩ các ngành và Bác sĩ chuyên khoa I: 245 chỉ tiêu |                                        |                                 |          |                                     |
|                                                                               |                                        | Quản lý công (27 chỉ tiêu)      | 4        | Văn Phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh    |
|                                                                               |                                        |                                 | 1        | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội |
|                                                                               |                                        |                                 | 1        | Sở Kế hoạch và Đầu tư               |
|                                                                               |                                        |                                 | 1        | Sở Giao thông vận tải               |
|                                                                               |                                        |                                 | 3        | Sở Nội vụ                           |
|                                                                               |                                        |                                 | 2        | UBND huyện Dương Minh Châu          |
|                                                                               |                                        |                                 | 1        | UBND huyện Gò Dầu                   |
|                                                                               |                                        |                                 | 2        | UBND huyện Tân Châu                 |
|                                                                               |                                        |                                 | 2        | UBND thành phố Tây Ninh             |
|                                                                               |                                        |                                 | 2        | UBND huyện Tân Biên                 |
|                                                                               |                                        |                                 | 1        | Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh      |
|                                                                               |                                        |                                 | 2        | Liên đoàn Lao động tỉnh Tây Ninh    |
|                                                                               |                                        |                                 | 1        | Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Hoà Thành    |
|                                                                               |                                        |                                 | 1        | Thị đoàn Hoà Thành                  |
|                                                                               |                                        |                                 | 1        | Ban Dân vận Thị ủy Trảng Bàng       |
|                                                                               |                                        |                                 | 2        | Văn phòng Thị ủy Trảng Bàng         |
|                                                                               |                                        |                                 | 1        | UBND huyện Châu Thành               |
|                                                                               |                                        |                                 | 3        | UBND thị xã Hòa Thành               |
|                                                                               |                                        |                                 | 1        | Sở Nông nghiệp và PTNT              |

|   |                          |                                                     |   |                                           |
|---|--------------------------|-----------------------------------------------------|---|-------------------------------------------|
| 1 | Hành chính (55 chỉ tiêu) | Chính sách công (09 chỉ tiêu)                       | 1 | Sở Kế hoạch và Đầu tư                     |
|   |                          |                                                     | 1 | Văn phòng Huyện ủy Bến Cầu                |
|   |                          |                                                     | 1 | Ban Tổ chức Huyện ủy Bến Cầu              |
|   |                          |                                                     | 1 | Văn phòng Huyện ủy Tân Biên               |
|   |                          | Chính sách công hoặc Quản lý công (02 chỉ tiêu)     | 1 | Huyện đoàn Tân Biên                       |
|   |                          |                                                     | 1 | Tinh đoàn Tây Ninh                        |
|   |                          | Hành chính công                                     | 1 | UBND thị xã Trảng Bàng                    |
|   |                          | Xây dựng đảng và chính quyền Nhà nước (11 chỉ tiêu) | 1 | Văn phòng Tỉnh ủy Tây Ninh                |
|   |                          |                                                     | 3 | Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tây Ninh           |
|   |                          |                                                     | 1 | Văn phòng Huyện ủy Dương Minh Châu        |
|   |                          |                                                     | 1 | Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Dương Minh Châu  |
|   |                          |                                                     | 1 | Ban Tuyên giáo Huyện ủy Dương Minh Châu   |
|   |                          |                                                     | 1 | Ban Tổ chức Huyện ủy Dương Minh Châu      |
|   |                          |                                                     | 1 | Hội Nông dân huyện Dương Minh Châu        |
|   |                          |                                                     | 1 | Ban Dân vận Huyện ủy Dương Minh Châu      |
|   |                          |                                                     | 1 | Trung tâm Chính trị huyện Dương Minh Châu |
|   |                          | Chính trị học (03 chỉ tiêu)                         | 1 | Sở Giáo dục và Đào tạo                    |
|   |                          |                                                     | 1 | Tinh đoàn Tây Ninh                        |
|   |                          |                                                     | 1 | Ban Tuyên giáo Thị ủy Trảng Bàng          |
|   |                          | Khoa học chính trị                                  | 1 | Ban Tuyên giáo Huyện ủy Châu Thành        |
|   |                          | Lưu trữ học                                         | 1 | Sở Nội vụ                                 |
| 2 | Luật (22 chỉ tiêu)       | Luật (17 chỉ tiêu)                                  | 2 | Sở Tư pháp                                |
|   |                          |                                                     | 1 | Sở Tài nguyên và Môi trường               |
|   |                          |                                                     | 1 | Sở Nông nghiệp và PTNT                    |
|   |                          |                                                     | 2 | Ban Tổ chức Tỉnh ủy Tây Ninh              |
|   |                          |                                                     | 1 | Ban Dân vận Tỉnh ủy Tây Ninh              |
|   |                          |                                                     | 1 | Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam          |
|   |                          |                                                     | 1 | Ban Tổ chức Thành ủy Tây Ninh             |
|   |                          |                                                     | 1 | Ban Tổ chức Thị ủy Trảng Bàng             |
|   |                          |                                                     | 1 | Công an tỉnh                              |
|   |                          |                                                     | 4 | UBND huyện Dương Minh Châu                |
|   |                          |                                                     | 1 | UBND thành phố Tây Ninh                   |
|   |                          |                                                     | 1 | UBND huyện Tân Biên                       |
|   |                          |                                                     | 1 | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội       |

|   |                                        |                                       |   |                                        |
|---|----------------------------------------|---------------------------------------|---|----------------------------------------|
|   |                                        | Luật Kinh tế (05 chỉ tiêu)            | 1 | Văn phòng UBND tỉnh                    |
|   |                                        |                                       | 2 | UBND huyện Dương Minh Châu             |
|   |                                        |                                       | 1 | UBND thành phố Tây Ninh                |
| 3 | Kinh tế (16 chỉ tiêu)                  | Quản lý kinh tế (12 chỉ tiêu)         | 1 | Sở Giáo dục và Đào tạo                 |
|   |                                        |                                       | 1 | Sở Nội vụ                              |
|   |                                        |                                       | 2 | Sở Y tế                                |
|   |                                        |                                       | 2 | Sở Tài chính                           |
|   |                                        |                                       | 1 | Ban Tổ chức Tỉnh ủy Tây Ninh           |
|   |                                        |                                       | 1 | UBND huyện Gò Dầu                      |
|   |                                        |                                       | 1 | UBND thành phố Tây Ninh                |
|   |                                        |                                       | 3 | UBND thị xã Trảng Bàng                 |
|   |                                        | Tài chính - Ngân hàng (02 chỉ tiêu)   | 1 | Sở Kế hoạch và Đầu tư                  |
|   |                                        |                                       | 1 | UBND thị xã Trảng Bàng                 |
|   |                                        | Kế toán (02 chỉ tiêu)                 | 1 | Sở Y tế                                |
|   |                                        |                                       | 1 | UBND huyện Châu Thành                  |
| 4 | Tài nguyên và Môi trường (11 chỉ tiêu) | Môi trường (02 chỉ tiêu)              | 2 | Sở Tài nguyên và Môi trường            |
|   |                                        | Quản lý tài nguyên và môi trường      | 1 | Sở Tài nguyên và Môi trường            |
|   |                                        | Quản lý đất đai (08 chỉ tiêu)         | 7 | Sở Tài nguyên và Môi trường            |
|   |                                        |                                       | 1 | UBND huyện Dương Minh Châu             |
| 5 | Xã hội (03 chỉ tiêu)                   | Đông phương học                       | 1 | Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch         |
|   |                                        | Xã hội học                            | 1 | Ban Tổ chức Tỉnh ủy Tây Ninh           |
|   |                                        | Tôn giáo học                          | 1 | Ban Dân vận Tỉnh ủy Tây Ninh           |
| 6 | Nông nghiệp (02 chỉ tiêu)              | Thú y                                 | 1 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
|   |                                        | Lâm học                               | 1 | BQL Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát       |
| 7 | Khoa học và Công nghệ (05 chỉ tiêu)    | Công nghệ thông tin (04 chỉ tiêu)     | 1 | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội    |
|   |                                        |                                       | 1 | Sở Y tế                                |
|   |                                        |                                       | 1 | UBND huyện Châu Thành                  |
|   |                                        |                                       | 1 | UBND huyện Dương Minh Châu             |
|   |                                        | Công nghệ thực phẩm                   | 1 | Sở Y tế                                |
| 8 | Quản lý đô thị (01 chỉ tiêu)           | Quản lý đô thị thông minh và sáng tạo | 1 | Văn phòng UBND tỉnh                    |
| 9 | An ninh, trật tự xã hội (04 chỉ tiêu)  | Trình sát an ninh                     | 1 | Công an tỉnh                           |
|   |                                        | Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm   | 1 | Công an tỉnh                           |
|   |                                        | Quản lý nhà nước về an ninh trật tự   | 1 | Công an tỉnh                           |

|    |                                   |                                                          |    |                                |
|----|-----------------------------------|----------------------------------------------------------|----|--------------------------------|
|    |                                   | Trình sát an ninh                                        | 1  | Công an tỉnh                   |
|    |                                   | Lý luận và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh (04 chỉ tiêu) | 3  | Sở Giáo dục và Đào tạo         |
|    |                                   |                                                          | 1  | UBND huyện Gò Dầu              |
|    |                                   | Quản lý Giáo dục (25 chỉ tiêu)                           | 2  | Sở Giáo dục và Đào tạo         |
|    |                                   |                                                          | 4  | UBND huyện Châu Thành          |
|    |                                   |                                                          | 1  | UBND huyện Dương Minh Châu     |
|    |                                   |                                                          | 14 | UBND huyện Gò Dầu              |
|    |                                   |                                                          | 3  | UBND thị xã Hòa Thành          |
|    |                                   |                                                          | 1  | UBND thành phố Tây Ninh        |
|    |                                   | Giáo dục học (06 chỉ tiêu)                               | 2  | Sở Giáo dục và Đào tạo         |
|    |                                   |                                                          | 1  | Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch |
|    |                                   |                                                          | 3  | UBND huyện Gò Dầu              |
|    |                                   | Giáo dục tiểu học (06 chỉ tiêu)                          | 1  | UBND huyện Châu Thành          |
|    |                                   |                                                          | 2  | UBND huyện Dương Minh Châu     |
|    |                                   |                                                          | 3  | UBND huyện Gò Dầu              |
|    |                                   | Giáo dục mầm non (03 chỉ tiêu)                           | 1  | Sở Giáo dục và Đào tạo         |
|    |                                   |                                                          | 2  | UBND thị xã Hòa Thành          |
|    |                                   | Toán                                                     | 2  | UBND huyện Châu Thành          |
|    |                                   | Giải tích                                                | 1  | Sở Giáo dục và Đào tạo         |
|    |                                   | Vật lý nguyên tử và hạt nhân                             | 1  | Sở Giáo dục và Đào tạo         |
|    |                                   | Lịch sử                                                  | 3  | UBND huyện Dương Minh Châu     |
|    |                                   | Âm nhạc                                                  | 2  | UBND huyện Dương Minh Châu     |
|    |                                   | Ngôn ngữ Anh                                             | 1  | Sở Giáo dục và Đào tạo         |
|    |                                   | Tiếng Anh                                                | 1  | UBND huyện Dương Minh Châu     |
|    |                                   | Văn học Việt Nam (02 chỉ tiêu)                           | 1  | UBND thị xã Hòa Thành          |
|    |                                   |                                                          | 1  | UBND thị xã Trảng Bàng         |
|    |                                   | Giáo dục thể chất                                        | 2  | UBND huyện Dương Minh Châu     |
|    |                                   | Quản lý thể thao                                         | 1  | UBND huyện Dương Minh Châu     |
|    |                                   | Tâm thần                                                 | 1  | Sở Y tế                        |
|    |                                   | Hồi sức cấp cứu                                          | 2  | Sở Y tế                        |
|    |                                   | Chăm sóc giảm nhẹ                                        | 1  | Sở Y tế                        |
|    |                                   | Chẩn đoán hình ảnh                                       | 1  | Sở Y tế                        |
|    |                                   | Chẩn thương chỉnh hình                                   | 1  | Sở Y tế                        |
|    |                                   | Y học gia đình                                           | 1  | Sở Y tế                        |
| 10 | Giáo dục và Đào tạo (60 chỉ tiêu) |                                                          |    |                                |

|    |                    |                             |   |         |
|----|--------------------|-----------------------------|---|---------|
| 11 | Y tế (66 chỉ tiêu) | Điều dưỡng                  | 8 | Sở Y tế |
|    |                    | Gây mê hồi sức              | 1 | Sở Y tế |
|    |                    | Kỹ thuật phục hồi chức năng | 1 | Sở Y tế |
|    |                    | Lao và Bệnh phổi            | 1 | Sở Y tế |
|    |                    | Lao (Hoặc Hồi sức cấp cứu)  | 1 | Sở Y tế |
|    |                    | Lão khoa                    | 4 | Sở Y tế |
|    |                    | Nội khoa                    | 3 | Sở Y tế |
|    |                    | Nội tổng quát               | 5 | Sở Y tế |
|    |                    | Ngoại khoa                  | 2 | Sở Y tế |
|    |                    | Ngoại tổng quát             | 4 | Sở Y tế |
|    |                    | Ngoại Thần Kinh-sọ não      | 3 | Sở Y tế |
|    |                    | Sản phụ khoa                | 4 | Sở Y tế |
|    |                    | Mắt - Nhãn khoa             | 4 | Sở Y tế |
|    |                    | Nhi khoa                    | 2 | Sở Y tế |
|    |                    | Quản lý bệnh viện           | 2 | Sở Y tế |
|    |                    | Quản lý dược                | 1 | Sở Y tế |
|    |                    | Quản lý y tế                | 1 | Sở Y tế |
|    |                    | Răng Hàm Mặt                | 1 | Sở Y tế |
|    |                    | Tổ chức - Quản lý Dược      | 2 | Sở Y tế |
|    |                    | Truyền nhiễm                | 4 | Sở Y tế |
|    |                    | Xét nghiệm                  | 1 | Sở Y tế |
|    |                    | Y học cổ truyền             | 1 | Sở Y tế |
|    |                    | Y tế công cộng              | 3 | Sở Y tế |